

Số: 574 /BC-UBND

Cát Tiên, ngày 11 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn huyện Cát Tiên**

Theo Văn bản số 2303/SNN-TL ngày 19/9/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước từ nguồn vốn được giao tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh.

UBND huyện Cát Tiên báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn huyện Cát Tiên (giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024), cụ thể như sau:

1. Kết quả phân bổ vốn và triển khai thực hiện

UBND huyện đã phân bổ kinh phí hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024) với tổng kinh phí 17.099,83 triệu đồng (trong đó NSNN: 4.764 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 12.335,83 triệu đồng), cụ thể như sau:

1.1. Năm 2022: Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.964 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.764 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 4.200 triệu đồng) tại Thông báo số 160/TB-UBND ngày 25/5/2022 (được điều chỉnh tại Thông báo số 377/TB-UBND ngày 09/11/2022) và Thông báo số 888/TB-UBND ngày 09/9/2022. Cụ thể:

- Hạng mục công trình trữ nước: Tổng số lượng công trình trữ nước: 34 công trình với tổng kinh phí: 1.092 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 546 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 546 triệu đồng.

- Hạng mục tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 60,9 ha với tổng kinh phí 4.872 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 1.218 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 3.654 triệu đồng.

1.2. Năm 2023 với tổng kinh phí hỗ trợ là 5.473,83 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.500 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 3.973,83) tại Thông báo số 54/TB-UBND ngày 28/02/2023 (được điều chỉnh tại Thông báo số 356/TB-UBND ngày 03/10/2023). Cụ thể:

- Hạng mục công trình trữ nước: Tổng số lượng công trình trữ nước: 10 công trình với tổng kinh phí: 350,78 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 175,39 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 175,39 triệu đồng.

- Hạng mục tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 66,23 ha với tổng kinh phí 5.298,44 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 1.324,61 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 3.973,83 triệu đồng.

1.3. Năm 2024: Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.662 triệu đồng (trong đó NSNN: 1.500 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp 4.162 triệu đồng) tại Thông báo số 134/TB-UBND ngày 27/4/2024. Cụ thể:

- Hạng mục công trình trữ nước: Tổng số lượng công trình trữ nước: 9 công trình với tổng kinh phí: 338 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 169 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 169 triệu đồng.

- Hạng mục: Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 66,55 ha với tổng kinh phí 5.324 triệu đồng, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 1.331 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp: 3.993 triệu đồng.

1.4. Kết quả triển khai thực hiện

- Đối với năm 2022 và năm 2023 huyện đã triển khai theo tiến độ và giải ngân theo quy định.

- Đối với năm 2024 huyện đang triển khai thực hiện, tỷ lệ giải ngân đạt 81,33%.

(Chi tiết kết quả phân bổ vốn và triển khai thực hiện có phụ lục kèm theo)

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Số hộ có nhu cầu đăng ký tham gia thực hiện nhiều hơn so với diện tích được phân bổ nên khó khăn trong việc sàng lọc chọn hộ.

- Nhận thức của một số ít cán bộ thuộc tổ chức thủy lợi cơ sở (thành viên Tổ thường là Trưởng thôn hoặc Tổ Trưởng tổ dân phố) về các quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn hạn chế.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Trên địa bàn huyện Cát Tiên, nhu cầu hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước gắn với xây dựng nông thôn mới là rất cần thiết. Vì vậy UBND huyện kính đề xuất Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, bổ sung kinh phí hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho công chức phụ trách thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở về các quy định về hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn huyện Cát Tiên (giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024)./.

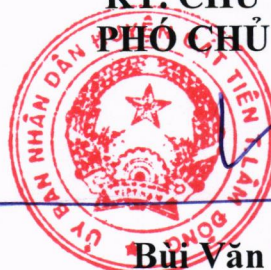
Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Văn

Phụ lục 1

Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước từ năm 2022 đến năm 2024
(Kèm theo Báo cáo số 514 /BC-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

STT	Xã/phường/thị trấn	Tổng kinh phí được phân bổ (triệu đồng)				Kết quả thực hiện (triệu đồng)					Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú	
		Công trình trữ nước	Tưới tiên tiến	Cổng	Kênh	Tổng	Công trình trữ nước	Tưới tiên tiến	Cổng	Kênh			Tổng
Năm 2022		546	1.218	-	-	1.764	326	1.218	-	-	1.544,4816	87,6	
1	Xã Đức Phổ	48,0400	298			346,0400	48,0400	298			346,0400	100	
2	Xã Quảng Ngãi	32,1360	300			332,1360	24,1076	300			324,1076	98	
3	Xã Nam Ninh	96,4000	60			156,4000	-	60			60,0000	38	
4	Xã Đồng Nai Thượng	224,9320	120			344,9320	224,1400	120			344,1400	100	
5	Xã Phước Cát 2	32,0260	120			152,0260	30,1940	120			150,1940	99	
6	Thị trấn Phước Cát	112,4660	-			112,4660	-	-			-	-	
7	Xã Gia Viễn	-	300			300,0000	-	300			300,0000	100	
8	Thị trấn Cát Tiên	-	20			20,0000	-	20			20,0000	100	
Năm 2023		175,39	1.324,61	-	-	1.500	175,3900	1.324,61	-	-	1.500,0000	100,0000	
1	Xã Đức Phổ	48,0400	200	-	-	248,0400	48,0400	200			248,0400	100	
2	Xã Quảng Ngãi	-	260	-	-	260,0000		260			260,0000	100	
3	Xã Nam Ninh	-	80	-	-	80,0000		80			80,0000	100	
4	Xã Đồng Nai Thượng	40,0380	200	-	-	240,0380	40,0380	200			240,0380	100	
5	Xã Phước Cát 2	24,9120	160	-	-	184,9120	24,9120	160			184,9120	100	
6	Xã Tiên Hoàng	62,4000	200	-	-	262,4000	62,4000	200			262,4000	100	
7	Xã Gia Viễn	-	224,61	-	-	224,6100	-	224,61			224,6100	100	
Năm 2024		169,00	1.331,00	-	-	1.500	49	1.171	-	-	1.220	81,33	
1	Xã Đức Phổ		180	-	-	180	-	180			180	100	
2	Xã Quảng Ngãi	-	180	-	-	180	-	180	-	-	180	100	
3	Xã Nam Ninh	-	200	-	-	200	-	200	-	-	200	100	
4	Xã Đồng Nai Thượng	30,2	140	-	-	170,2	30,2	140	-	-	170	100	
5	Xã Phước Cát 2	29,9	160	-	-	189,9					-	-	
6	Xã Tiên Hoàng		160	-	-	160	-	160			160	100	
7	Xã Gia Viễn	-	211	-	-	211	-	211			211	100	
8	Thị trấn Cát Tiên	90				90,1					-	-	
9	Thị trấn Phước Cát	18,8	100			118,8	19	100			118,8	100	
Tổng cộng		890,39	3.873,61			4.764,0	550,87	3.713,61			4.264,4816	89,51	

Phụ lục 2

Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước từ năm 2022 đến năm 2024



Hạng mục: Công trình trữ nước

(Kèm theo Báo cáo số 579 /BC-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

STT	Xã/phường/thị trấn	Kinh phí được phân bổ (triệu đồng)					Kết quả thực hiện (triệu đồng)					
		Số lượng công trình trữ nước (cái)	Diện tích phục vụ (ha)	Vốn thực hiện (triệu đồng)			Số lượng công trình trữ nước (cái)	Diện tích phục vụ (ha)	Số tổ chức thủy lợi cơ sở được thành lập	Vốn thực hiện (triệu đồng)		
				Vốn ngân sách hỗ trợ	Vốn nhân dân đóng góp	Tổng				Vốn NS hỗ trợ	Vốn nhân dân đóng góp	Tổng
Năm 2022		34	69	546	546	1.092	20	66	5	326	326	653
1	Xã Đức Phổ	3	15	48,04	48,04	96,08	3	15	1	48,04	48,04	96,08
2	Xã Quảng Ngãi	2	6	32,136	32,136	64,272	1	3	1	24,107575	24,107575	48,21515
3	Xã Nam Ninh	6		96,4	96,4	192,800	-	-	-	-	-	
4	Xã Đông Nai Thượng	14	43,160	224,932	224,932	449,864	14	43,16	1	224,140	224,140	448,280
5	Xã Phước Cát 2	2	5	32,0260	32,0260	64,052	2	5	2	30,194	30,194	60,388
6	Thị trấn Phước Cát	7		112,5	112,5	224,932	-	-	-	-	-	
Năm 2023		10	60	175,390	175,390	350,780	10	60	4	175,39	175,39	350,78
1	Xã Đức Phổ	3	15	48,04	48,04	96,08	3	15	1	48,04	48,04	96,08
2	Xã Đông Nai Thượng	3	15,000	40,038	40,038	80,076	3	15,00	1	40,038	40,038	80,08
3	Xã Phước Cát 2	2	10	24,9120	24,9120	49,824	2	10	1	24,912	24,912	49,82
4	Xã Tiên Hoàng	2	20	62,4000	62,4000	124,800	2	20	1	62,400	62,400	124,80
Năm 2024		9	75	169	169	338	3	20	2	49	49	98
1	Xã Đông Nai Thượng	2	10	30	30	60,400	2	10	1	30,2	30,2	60,4
2	Thị trấn Phước Cát	1	10	19	19	37,600	1	10	1	18,8	18,8	37,6
3	Thị trấn Cát Tiên	3	30	90	90	180,200						
4	Xã Phước Cát 2	3	25	30	30	59,800						
Tổng cộng		53	204	890	890	1.781	33	146	11	551	551	1.102



Phụ lục 3

Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước từ năm 2022 đến năm 2024

Hạng mục: Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

(Kèm theo Báo cáo số 574/BC-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện)

STT	Xã/phường/thị trấn	Kinh phí được phân bổ (triệu đồng)				Kết quả thực hiện (triệu đồng)				
		Diện tích tưới tiên tiến, TKN (ha)	Vốn thực hiện (triệu đồng)			Diện tích tưới tiên tiến, TKN (ha)	Số tổ chức thủy lợi cơ sở được thành lập	Vốn thực hiện (triệu đồng)		
			Vốn NS hỗ trợ	Vốn nhân dân đóng góp	Tổng			Vốn NS hỗ trợ	Vốn nhân dân đóng góp	Tổng
1	Xã Đức Phổ	14,90	298	894	1.192	14,90	1	298	894	1.192
2	Xã Quảng Ngãi	15	300	900	1.200	11	1	300	900	1.200
3	Xã Nam Ninh	3	60	180	240	3	1	60	180	240
4	Xã Đồng Nai Thượng	6	120	360	480	3	1	120	360	480
5	Xã Phước Cát 2	6	120	360	480	2	1	120	360	480
6	Thị trấn Cát Tiên	1	20	60	80	1	1	20	60	80
7	Xã Gia Viễn	15	300	900	1.200	10	1	300	900	1.200
Năm 2023		66,23	1.324,61	3.973,83	5.298	66,23	7,00	1.324,61	3.973,83	5.298
1	Xã Đức Phổ	10,00	200	600	800	10,00	1	200	600	800
2	Xã Quảng Ngãi	13	260	780	1.040	13	1	260	780	1.040
3	Xã Nam Ninh	4	80	240	320	4	1	80	240	320
4	Xã Đồng Nai Thượng	10	200	600	800	10	1	200	600	800
5	Xã Phước Cát 2	8	160	480	640	8	1	160	480	640
6	Xã Tiên Hoàng	10	200	600	800	10	1	200	600	800
7	Xã Gia Viễn	11,230	224,61	673,83	898,44	11,23	1	224,610	673,830	898,44
Năm 2024		66,55	1.331,00	3.993,00	5.324	58,55	7,00	1.171,00	3.513,00	4.684,00
1	Xã Gia Viễn	10,550	211,0	633	211,0	10,55	1,00	211,00	633,00	844
2	Xã Quảng Ngãi	9,000	180	540	180	9	1,00	180,00	540,00	720
3	Xã Đức Phổ	9,000	180	540	180	9	1,00	180,00	540,00	720
4	Xã Nam Ninh	10,000	200	600	200	10	1,00	200,00	600,00	800
5	Xã Đồng Nai Thượng	7,00	140	420	140	7	1,00	140,00	420,00	560
6	Xã Tiên Hoàng	8,00	160	480	160	8	1,00	160,00	480,00	640
7	Thị trấn Phước Cát	5,00	100	300	100	5	1,00	100,00	300,00	400
8	Xã Phước Cát 2	8,00	160	480	160					-
Tổng cộng		193,68	3.873,61	11.620,83	15.494	169,68	21,00	3.713,61	11.140,83	14.854